

Số: 13 /2015/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng
ưu tiên hỗ trợ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Thông tư này quy định lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập theo Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quyết định số 601/QĐ-TTg).

2. Hồ sơ, thủ tục thẩm định, quyết định khoản vay từ Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Thông tư này;

b) Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Quỹ);

c) Ngân hàng phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại đáp ứng điều kiện nhận ủy thác cho vay từ Quỹ (sau đây gọi là Ngân hàng);

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng với doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ (sau đây gọi là Doanh nghiệp) là doanh nghiệp có quy mô và khu vực sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Quy mô và khu vực sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Đối với Doanh nghiệp có nhiều ngành, nghề kinh doanh khác nhau thì khu vực sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp được xác định theo khu vực có tổng nguồn vốn hoặc tổng số lao động cao nhất. Đối với Doanh nghiệp mới thành lập, chưa có báo cáo tài chính thì khu vực sản xuất, kinh doanh được xác định theo ngành, nghề kinh doanh chính mà Doanh nghiệp đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Tổng nguồn vốn của Doanh nghiệp là tổng nguồn vốn hoặc tổng tài sản trong bảng cân đối kế toán tại báo cáo tài chính năm gần nhất của Doanh nghiệp. Đối với Doanh nghiệp mới thành lập, chưa có báo cáo tài chính thì tổng nguồn vốn là vốn điều lệ được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Số lượng lao động là lao động bình quân của năm tài chính gần nhất, được tính bằng số bình quân của số lao động ghi trên bảng thanh toán tiền lương, tiền công hàng tháng của Doanh nghiệp. Đối với Doanh nghiệp mới thành lập thì không sử dụng tiêu chí này.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ của Quỹ

1. Quỹ ưu tiên hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, góp phần tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động.

2. Doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 và có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực quy định tại các Điều 5, 6 Thông tư này đều được Quỹ cho vay theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch.

Chương II

DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU TIÊN HỖ TRỢ VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN HỖ TRỢ

Điều 5. Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ của Quỹ

1. Quỹ ưu tiên cho vay đối với Doanh nghiệp có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh thuộc một trong các ngành kinh tế được phân loại theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam ban hành tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- b) Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- c) Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

2. Căn cứ định hướng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong từng thời kỳ, Quỹ xây dựng Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi thuộc các lĩnh vực quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Điều kiện cho vay của Quỹ

Doanh nghiệp được vay vốn từ Quỹ khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện sau:

- 1. Các tiêu chí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 3 Thông tư này.
- 2. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh quy định tại Điều 5 Thông tư này.
- 3. Các điều kiện quy định tại Điều 7, Quyết định số 601/QĐ-TTg.

Điều 7. Tiêu chí ưu tiên lựa chọn đối tượng hỗ trợ của Quỹ

1. Ngoài các điều kiện cho vay theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Quỹ ưu tiên cho vay đối với Doanh nghiệp đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

- a) Sản phẩm đầu ra: sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, vật liệu mới, năng lượng mới;
- b) Tính đổi mới: đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; chế tạo, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao;
- c) Năng lực quản trị: năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của người quản lý doanh nghiệp và lịch sử, uy tín tín dụng của doanh nghiệp;

d) Tạo việc làm và yếu tố về giới: tạo nhiều việc làm mới; sử dụng nhiều lao động nữ;

e) Môi trường: sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững.

2. Các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này được đánh giá theo thang điểm quy định chi tiết trong Bảng chấm điểm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quỹ sử dụng Bảng chấm điểm làm cơ sở đánh giá mức độ ưu tiên hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thứ tự từ cao đến thấp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Ban hành Quy trình, thủ tục thẩm định, quyết định khoản vay từ Quỹ.
2. Kiểm tra, giám sát các Ngân hàng trong việc thực hiện hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Quỹ.
3. Phối hợp với Ngân hàng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.
4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo Quyết định số 601/QĐ-TTg.

Điều 9. Trách nhiệm của Ngân hàng nhận ủy thác cho vay

1. Thẩm định dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh và cho vay đối với Doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.
2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay của Doanh nghiệp.
3. Thực hiện nhiệm vụ khác theo Quyết định số 601/QĐ-TTg.

Điều 10. Trách nhiệm của Doanh nghiệp được vay vốn của Quỹ

1. Tuân thủ các điều kiện cho vay của Quỹ và Ngân hàng.
2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sử dụng vốn vay cho Quỹ và Ngân hàng.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ và Ngân hàng về việc sử dụng vốn vay để thực hiện dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh đã được phê duyệt.

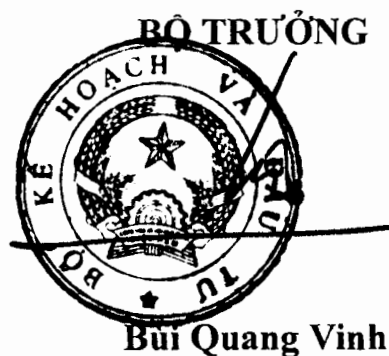
Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 12 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Lưu: VT, QDNNVV (10b). 0240





Phụ lục I
BẢNG CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ ƯU TIÊN LỰA CHỌN
ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13./2015/TT-BKHĐT
ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Tiêu chí	Tổng điểm tối đa
1. Sản phẩm đầu ra (20 điểm)	
Sản xuất sản phẩm chất lượng cao, vật liệu mới, năng lượng mới. <i>Doanh nghiệp có thuyết minh/ chứng nhận về sản xuất sản phẩm chất lượng cao, vật liệu mới, năng lượng mới trong dự án, phương án sản xuất, kinh doanh</i> 20 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.	---/20
2. Tính đổi mới (20 điểm)	
Đổi mới trang thiết bị kỹ thuật làm tăng năng suất lao động; chế tạo, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao. <i>Doanh nghiệp có thuyết minh/ chứng nhận về đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao trong dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.</i> 20 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.	---/20
3. Năng lực quản trị điều hành của doanh nghiệp (20 điểm)	
Năng lực, kinh nghiệm quản trị điều hành của người quản lý doanh nghiệp; <i>Có ít nhất một thành viên của Ban giám đốc có 03 năm kinh nghiệm làm việc trở lên trong lĩnh vực có liên quan đến dự án đề xuất hoặc có 03 năm kinh nghiệm trở lên về quản lý doanh nghiệp.</i> 10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.	---/10
Lịch sử uy tín tín dụng của doanh nghiệp. <i>Doanh nghiệp không có nợ nhóm 2 trở lên trong 12 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ và không có nợ nhóm 3 trở lên trong 36 tháng gần nhất tính tới thời điểm xét duyệt hồ sơ.</i>	---/10

10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.	
4. Tạo việc làm và yếu tố về giới (tối đa 20 điểm)	
Dự án, phương án sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm mới; 0 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm nhỏ hơn 50 việc làm; 5 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm từ 50 đến 100 việc làm; 10 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm từ 100 đến 150 việc làm; 15 điểm nếu số việc làm dự án tạo thêm lớn hơn 150 việc làm.	---/15
Dự án, phương án sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ. 5 nếu doanh nghiệp có tỉ lệ lao động nữ lớn hơn hoặc bằng 50%; 0 nếu doanh nghiệp có tỉ lệ lao động nữ nhỏ hơn 50%.	---/5
5. Môi trường (20 điểm)	
Dự án, phương án sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Doanh nghiệp có thuyết minh/chứng nhận về sản phẩm đáp ứng tiêu chí là sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành; 10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.	---/10
Dự án, phương án sản xuất hoặc sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững. Doanh nghiệp có thuyết minh/chứng nhận việc sản xuất/sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; hoặc có thuyết minh/ chứng nhận hoạt động sản xuất tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp, đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	---/10

và có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững. 10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.	
Tổng điểm	----/100

